

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KỲ THI NGÀY 03/7/2022

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hỏng	
1	T0001	Đặng Duy An	28/12/1996	Quảng Nam	Nam	Kinh	9,4	7,0	Đạt		
2	T0002	Đinh Thị Bành	04/06/2000	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,2	5,5	Đạt		
3	T0003	Lê Nguyễn Hoài Bảo	09/08/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh				Hỏng	Vắng
4	T0004	Trần Thị Cẩm	17/02/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	6,5	Đạt		
5	T0005	Lê Thị Chi	12/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	6,0	Đạt		
6	T0006	Đỗ Đặng Kiều Duyên	09/09/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,6	9,0	Đạt		
7	T0007	Phạm Thị Hải	01/08/1990	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,2	6,0	Đạt		
8	T0008	Trần Thị Thu Hạnh	30/10/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	9,0	Đạt		
9	T0009	Võ Thị Bích Hằng	02/02/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	7,5	Đạt		
10	T0010	Đinh Thị Hiều	20/12/1997	Quảng Ngãi	Nữ	H're	7,0	5,0	Đạt		
11	T0011	Bùi Thị Ánh Hoa	20/02/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt		
12	T0012	Đinh Thị Hồng	20/05/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	6,2	5,5	Đạt		
13	T0013	Võ Thị Ánh Huyền	27/09/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,4	6,0	Đạt		
14	T0014	Huỳnh Tấn Khamh	08/07/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,4	9,5	Đạt		
15	T0015	Lê Long Khoa	02/06/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,0	3,0		Hỏng	
16	T0016	Nguyễn Lê Minh Khuê	05/01/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,4	6,0	Đạt		
17	T0017	Nguyễn Thanh Lân	10/12/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,8	8,0	Đạt		
18	T0018	Lê Công Lên	16/07/1997	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,6	8,5	Đạt		
19	T0019	Lê Thị Loan	20/12/1984	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,4	9,5	Đạt		
20	T0020	Trần Trung Nghĩa	04/07/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,8	10,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hổng	
21	T0021	Nguyễn Thị Xuân	Nhã	10/03/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	6,0	Đạt	
22	T0022	Trịnh Thị Mai	Nhi	05/11/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	9,0	Đạt	
23	T0023	Trương Thị Yên	Nhi	10/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	8,5	Đạt	
24	T0024	Hồ Thị Kiều	Oanh	21/04/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,4	9,0	Đạt	
25	T0025	Lê Văn	Quân	15/12/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	8,0	Đạt	
26	T0026	Mai Thị Như	Quý	05/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	8,0	Đạt	
27	T0027	Bùi Minh	Tú	04/11/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,8	10,0	Đạt	
28	T0028	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/02/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,6	9,0	Đạt	
29	T0029	Vũ Thị Bích	Thảo	21/12/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	9,0	Đạt	
30	T0030	Đinh Thị	Thoa	23/12/2001	Quảng Ngãi	Nữ	H're	6,4	9,0	Đạt	
31	T0031	Quảng Thị Thanh	Thúy	20/06/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	9,0	Đạt	
32	T0032	Lê Thị Minh	Thư	20/10/1978	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,8	10,0	Đạt	
33	T0033	Lê Thị Phương	Thương	08/11/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,6	10,0	Đạt	
34	T0034	Nguyễn Thị Hồng	Thương	21/07/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	10,0	Đạt	
35	T0035	Võ Diệp Ca	Thy	26/06/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,4	8,0	Đạt	
36	T0036	Nguyễn Thị Kiều	Trang	04/02/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	8,0	Đạt	
37	T0037	Lý Phan Hồng	Trinh	05/07/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
38	T0038	Trang Kim	Trung	17/06/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,6	9,0	Đạt	
39	T0039	Nguyễn Thị Bích	Vương	22/03/1987	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
40	T0040	Huỳnh Ngọc Lan	Vy	01/08/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	10,0	Đạt	
41	T0041	Nguyễn Thị Hà	Vy	20/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,2	9,0	Đạt	
42	T0042	Nguyễn Thị	Ý	10/08/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,8	7,0	Đạt	
43	T0043	Phạm Thị Như	Ý	25/02/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt	
44	T0044	Hồ Thị	Liều	20/05/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Co	6,0	6,0	Đạt	Thi lại 2 môn
45	T0045	Hồ Thị	Lý	01/10/1985	Quảng Ngãi	Nữ	Co	6,4	5,0	Đạt	Thi lại 2 môn

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả		Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành	Đạt	Hồng	
46	T0046	Lê Văn Hoàng	18/06/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,6	5,0	Đạt		Thi lại 2 môn
47	T0047	Lê Trung Kiên	05/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt		Thi lại TH
48	T0048	Hồ Thị Cứu	15/01/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Co	6,8	5,0	Đạt		Thi lại LT
49	T0049	Hồ Thị Lý	15/01/1992	Quảng Ngãi	Nữ	Co	7,4	6,0	Đạt		Thi lại LT
50	T0050	Trần Nguyễn Phương Thảo	10/07/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,6	6,0	Đạt		Thi lại LT
51	T0051	Đinh Thị Thành	07/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	H're	4,6	5,0		Hồng	Thi lại LT
52	T0052	Huỳnh Phương Thảo	26/07/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt		Thi lại LT
53	T0053	Phạm Thị Thu Hiền	09/10/2000	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	5,0	Đạt		Thi lại LT

Danh sách này có: 53 thí sinh, trong đó số dự thi: 52 thí sinh, số vắng thi: 01 thí sinh.